



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản số: .../2026/CTV/BGLS-TAĐT ngày .../01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Tân Á Đại Thành, áp dụng từ ngày 01/01/2026 (Quy: 1/2026) đến khi có bảng báo giá mới)

### 1. Bảng giá bán sản phẩm, hàng hoá:

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *			
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...	
I	[21]	[31]	[41]	[51]	[61]	[71]	[81]	[91]	[101]	[111]	[121]			
<b>I SẢN PHẨM BÓN INOX CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>														
1	SẢN PHẨM BÓN INOX	Bón inox 310	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.220.370 đ	2.220.370 đ	2.220.370 đ	
2	SẢN PHẨM BÓN INOX	Bón inox 500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.850.926 đ	2.850.926 đ	2.850.926 đ	
3	SẢN PHẨM BÓN INOX	Bón inox 700	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.513.889 đ	3.513.889 đ	3.513.889 đ	
4	SẢN PHẨM BÓN INOX	Bón inox 1000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.721.296 đ	4.721.296 đ	4.721.296 đ	
5	SẢN PHẨM BÓN INOX	Bón inox 1200	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.687.963 đ	5.687.963 đ	5.687.963 đ	
6	SẢN PHẨM BÓN INOX	Bón inox 1300	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.171.296 đ	6.171.296 đ	6.171.296 đ	
7	SẢN PHẨM BÓN INOX	Bón inox 1500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.137.963 đ	7.137.963 đ	7.137.963 đ	



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
8	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 2000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.323.148 đ	9.323.148 đ	9.323.148 đ
9	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 2500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.563.889 đ	11.563.889 đ	11.563.889 đ
10	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 3000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.739.815 đ	13.739.815 đ	13.739.815 đ
11	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 3500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.693.519 đ	15.693.519 đ	15.693.519 đ
12	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 4000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		17.647.222 đ	17.647.222 đ	17.647.222 đ
13	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 4500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.795.370 đ	19.795.370 đ	19.795.370 đ
14	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 5000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.175.000 đ	22.175.000 đ	22.175.000 đ
15	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 6000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		26.480.556 đ	26.480.556 đ	26.480.556 đ
16	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 310	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.100.000 đ	2.100.000 đ	2.100.000 đ
17	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.712.037 đ	2.712.037 đ	2.712.037 đ
18	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 700	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.375.000 đ	3.375.000 đ	3.375.000 đ
19	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 1000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.443.519 đ	4.443.519 đ	4.443.519 đ



Số	Tên vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điền kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
20	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 1200	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.421.296 đ	5.421.296 đ	5.421.296 đ
21	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 1300	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.910.185 đ	5.910.185 đ	5.910.185 đ
22	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 1500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.887.963 đ	6.887.963 đ	6.887.963 đ
23	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 2000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.999.074 đ	8.999.074 đ	8.999.074 đ
24	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 2500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.119.444 đ	11.119.444 đ	11.119.444 đ
25	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 3000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.175.000 đ	13.175.000 đ	13.175.000 đ
26	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 3500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.059.259 đ	15.059.259 đ	15.059.259 đ
27	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 4000	m2	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.943.519 đ	16.943.519 đ	16.943.519 đ
28	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 4500	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.036.111 đ	19.036.111 đ	19.036.111 đ
29	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 5000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.387.963 đ	21.387.963 đ	21.387.963 đ
30	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox 6000	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.313.889 đ	25.313.889 đ	25.313.889 đ
31	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 8000 (1400)	Cái	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		41.666.667 đ	41.666.667 đ	41.666.667 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
32	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 10000 (1400)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.148.148 đ	48.148.148 đ	48.148.148 đ
33	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 10000 (1700)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.148.148 đ	48.148.148 đ	48.148.148 đ
34	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 10000 (2200)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		51.851.852 đ	51.851.852 đ	51.851.852 đ
35	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 12000 (2200)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		63.888.889 đ	63.888.889 đ	63.888.889 đ
36	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 15000 (1700)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		74.074.074 đ	74.074.074 đ	74.074.074 đ
37	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 15000 (2200)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		79.629.630 đ	79.629.630 đ	79.629.630 đ
38	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 20000 (1700)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		#####	#####	#####
39	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 20000 (2200)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		#####	#####	#####
40	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 25000 (2200)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		#####	#####	#####
41	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 30000 (2200)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		#####	#####	#####
42	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 35000 (2200)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		#####	#####	#####
43	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 10000 (1700)	Cái	QCVN12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		44.444.444 đ	44.444.444 đ	44.444.444 đ



STT	Tên vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
										Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
44	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 10000 (2200)	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.148.148 đ	48.148.148 đ	48.148.148 đ
45	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bồn inox TA 12000 (1700)	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		53.703.704 đ	53.703.704 đ	53.703.704 đ
46	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bê Inox lắp ghép 35m3 đến 1.000m3	QCVN 12-3:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.636.364	8.636.364	8.636.364
47	SÀN PHẪM BÓN INOX	Bê Inox lắp ghép 35m3 đến 1.000m3	QCVN 12-3:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.818.182	6.818.182	6.818.182
<b>II SÀN PHẪM BÓN NHỰA TÂN Á THẾ HỆ MỚI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>												
1	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 300 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.253.704 đ	1.253.704 đ	1.253.704 đ
2	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 400 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.591.667 đ	1.591.667 đ	1.591.667 đ
3	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 500 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.892.593 đ	1.892.593 đ	1.892.593 đ
4	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 700 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.424.074 đ	2.424.074 đ	2.424.074 đ
5	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 750 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.585.185 đ	2.585.185 đ	2.585.185 đ
6	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 1000 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.221.296 đ	3.221.296 đ	3.221.296 đ
7	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 1500 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.883.333 đ	4.883.333 đ	4.883.333 đ
8	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 2000 EX	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.350.926 đ	6.350.926 đ	6.350.926 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *			
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...	
9	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 3000 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.063.889 đ	9.063.889 đ	9.063.889 đ	
10	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 4000 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.869.444 đ	11.869.444 đ	11.869.444 đ	
11	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 5000 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.737.037 đ	15.737.037 đ	15.737.037 đ	
12	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 10 000 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		32.406.481 đ	32.406.481 đ	32.406.481 đ	
13	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 300 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.438.889 đ	1.438.889 đ	1.438.889 đ	
14	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 400 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.776.852 đ	1.776.852 đ	1.776.852 đ	
15	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 500 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.966.667 đ	1.966.667 đ	1.966.667 đ	
16	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 700 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.735.185 đ	2.735.185 đ	2.735.185 đ	
17	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 1000 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.776.852 đ	3.776.852 đ	3.776.852 đ	
18	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 1500 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.901.852 đ	5.901.852 đ	5.901.852 đ	
19	SÀN PHẪM BÓN NHỰA	TA 2000 EX	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.647.222 đ	7.647.222 đ	7.647.222 đ	
<b>III</b>	<b>SÀN PHẪM BÓN NHỰA PLASMAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	SÀN PHẪM BÓN NHỰA PLASMAN	PL 500	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.133.333 đ	2.133.333 đ	2.133.333 đ	



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
2	SÀN PHẪM BÓN NHỰA PLASMAN	PL 1000	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.767.593 đ	3.767.593 đ	3.767.593 đ
3	SÀN PHẪM BÓN NHỰA PLASMAN	PL 1500	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.605.556 đ	5.605.556 đ	5.605.556 đ
4	SÀN PHẪM BÓN NHỰA PLASMAN	PL 2000	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.313.889 đ	7.313.889 đ	7.313.889 đ
5	SÀN PHẪM BÓN NHỰA PLASMAN	PL 500	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.337.037 đ	2.337.037 đ	2.337.037 đ
6	SÀN PHẪM BÓN NHỰA PLASMAN	PL 1000	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.212.037 đ	4.212.037 đ	4.212.037 đ
<b>IV SÀN PHẪM BÓN NHỰA TỰ HOẠI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	BÓN NHỰA TỰ HOẠI	DT 500 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.568.519 đ	2.568.519 đ	2.568.519 đ
2	BÓN NHỰA TỰ HOẠI	DT 1.000 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.489.815 đ	4.489.815 đ	4.489.815 đ
3	BÓN NHỰA TỰ HOẠI	DT 1.500 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.318.519 đ	6.318.519 đ	6.318.519 đ
4	BÓN NHỰA TỰ HOẠI	DT 2.000 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.887.963 đ	8.887.963 đ	8.887.963 đ
5	BÓN NHỰA TỰ HOẠI	DT 2.500 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Đứng	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.925.000 đ	10.925.000 đ	10.925.000 đ
6	BÓN NHỰA TỰ HOẠI	DT 1.000 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.415.741 đ	5.415.741 đ	5.415.741 đ
7	BÓN NHỰA TỰ HOẠI	DT 1.700 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.244.444 đ	7.244.444 đ	7.244.444 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
8	BÀN NHỰA TỰ HOẠI	ĐT 2.200 SE	Cái	QCVN 12-1:2011/BYT	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.813.889 đ	9.813.889 đ	9.813.889 đ
<b>V SẢN PHẨM MÁY NN NANG LƯỢNG MẶT TRỜI TÂN Á CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	MÁY NN NANG LƯỢNG MẶT TRỜI TÂN Á	TA8 160	Bộ	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.008.333 đ	8.008.333 đ	8.008.333 đ
2	MÁY NN NANG LƯỢNG MẶT TRỜI TÂN Á	TA8 180	Bộ	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.332.407 đ	8.332.407 đ	8.332.407 đ
3	MÁY NN NANG LƯỢNG MẶT TRỜI TÂN Á	TA8 200	Bộ	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.258.333 đ	9.258.333 đ	9.258.333 đ
4	MÁY NN NANG LƯỢNG MẶT TRỜI TÂN Á	TA8 230	Bộ	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.739.815 đ	10.739.815 đ	10.739.815 đ
5	MÁY NN NANG LƯỢNG MẶT TRỜI TÂN Á	TA8 260	Bộ	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.573.148 đ	11.573.148 đ	11.573.148 đ
<b>VI SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÓNG ROSSI 30 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	BÌNH NƯỚC NÓNG ROSSI 30	Bình nước nóng Rossi 30 RA30 15SL	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.573.148 đ	3.573.148 đ	3.573.148 đ
2	BÌNH NƯỚC NÓNG ROSSI 30	Bình nước nóng Rossi 30 RA30 20SL	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.665.741 đ	3.665.741 đ	3.665.741 đ
3	BÌNH NƯỚC NÓNG ROSSI 30	Bình nước nóng Rossi 30 RA30 30SL	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.804.630 đ	3.804.630 đ	3.804.630 đ
4	BÌNH NƯỚC NÓNG ROSSI 30	Bình nước nóng Rossi 30 RA30 15SQ	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	Vuông	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.387.963 đ	3.387.963 đ	3.387.963 đ



Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị**	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
										Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
	BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI 30	Bình nước nông Rossi 30 RA30 20SQ	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Vuông	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.480.556 đ	3.480.556 đ	3.480.556 đ
	BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI 30	Bình nước nông Rossi 30 RA30 30SQ	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Vuông	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.619.444 đ	3.619.444 đ	3.619.444 đ
<b>VII SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>												
1	SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI	Bình nước nóng 15	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.971.296 đ	2.971.296 đ	2.971.296 đ
2	SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI	Bình nước nóng 20	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.063.889 đ	3.063.889 đ	3.063.889 đ
3	SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI	Bình nước nóng 30	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Ngang	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.202.778 đ	3.202.778 đ	3.202.778 đ
4	SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI	Bình nước nóng 15	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Vuông	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.739.815 đ	2.739.815 đ	2.739.815 đ
5	SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI	Bình nước nóng 20	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Vuông	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.832.407 đ	2.832.407 đ	2.832.407 đ
6	SẢN PHẨM BÌNH NƯỚC NÔNG ROSSI	Bình nước nóng 30	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN	Vuông	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.971.296 đ	2.971.296 đ	2.971.296 đ
<b>VIII SẢN PHẨM MÁY LỌC NƯỚC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>												
1	MÁY LỌC NƯỚC	RO 8 lõi	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.776.852 đ	7.776.852 đ	7.776.852 đ
2	MÁY LỌC NƯỚC	RO 9 lõi	QC/VN SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.054.630 đ	8.054.630 đ	8.054.630 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
3	MÁY LỌC NƯỚC	RO 10 lơi	Chiếc	OCVN 4:2009/BKHCN VÀ SVA ĐỢI 1:2016 OCVN 4:2009/BKHCN		TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.517.593 đ	8.517.593 đ	8.517.593 đ
<b>IX SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	ISI	Lon	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		530.556 đ	530.556 đ	530.556 đ
2	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	ISI	Thùng	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.790.741 đ	1.790.741 đ	1.790.741 đ
3	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	IEW	Lon	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		802.778 đ	802.778 đ	802.778 đ
4	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	IEW	Thùng	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.282.407 đ	2.282.407 đ	2.282.407 đ
5	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	IMP-ISO06	Lon	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.095.370 đ	1.095.370 đ	1.095.370 đ
6	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	IMP-ISO06	Thùng	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.869.444 đ	3.869.444 đ	3.869.444 đ
7	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	IMP-IG05	Lon	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.576.852 đ	1.576.852 đ	1.576.852 đ
8	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	IMP-IG05	Thùng	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.654.630 đ	4.654.630 đ	4.654.630 đ
9	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	19	Lon	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.749.074 đ	1.749.074 đ	1.749.074 đ
10	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	19	Thùng	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.381.481 đ	5.381.481 đ	5.381.481 đ
11	SẢN PHẨM SƠN PHỦ NỘI THẤT	IDC	Thùng	TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		936.111 đ	936.111 đ	936.111 đ
<b>X SẢN PHẨM SƠN LỚT NỘI THẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													



Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
										Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
1	SÀN PHẪM SƠN LÓT NỘI THẤT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		645.370 đ	645.370 đ	645.370 đ
2	SÀN PHẪM SƠN LÓT NỘI THẤT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.838.889 đ	1.838.889 đ	1.838.889 đ
3	SÀN PHẪM SƠN LÓT NỘI THẤT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		840.741 đ	840.741 đ	840.741 đ
4	SÀN PHẪM SƠN LÓT NỘI THẤT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.535.185 đ	2.535.185 đ	2.535.185 đ
5	SÀN PHẪM SƠN LÓT NỘI THẤT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		993.519 đ	993.519 đ	993.519 đ
6	SÀN PHẪM SƠN LÓT NỘI THẤT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.026.852 đ	3.026.852 đ	3.026.852 đ
<b>XI SÀN PHẪM SƠN LÓT NGOÀI THẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>												
1	SÀN PHẪM SƠN LÓT NGOÀI THẤT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		807.407 đ	807.407 đ	807.407 đ
2	SÀN PHẪM SƠN LÓT NGOÀI THẤT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.606.481 đ	2.606.481 đ	2.606.481 đ
3	SÀN PHẪM SƠN LÓT NGOÀI THẤT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.194.444 đ	1.194.444 đ	1.194.444 đ
4	SÀN PHẪM SƠN LÓT NGOÀI THẤT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.455.556 đ	3.455.556 đ	3.455.556 đ
5	SÀN PHẪM SƠN LÓT NGOÀI THẤT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.308.333 đ	1.308.333 đ	1.308.333 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
6	SÀN PHẠM SƠN LỚT NGOÀI THẤT	IMP-SPE01	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.976.852 đ	3.976.852 đ	3.976.852 đ
<b>XII SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	ESI	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		816.667 đ	816.667 đ	816.667 đ
2	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	ESI	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.635.185 đ	2.635.185 đ	2.635.185 đ
3	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	IMP-ESG10	Lom	QCVN 16:2019/BXD	1L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		343.519 đ	343.519 đ	343.519 đ
4	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	IMP-ESG10	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.292.593 đ	1.292.593 đ	1.292.593 đ
5	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	IMP-ESG10	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.487.037 đ	4.487.037 đ	4.487.037 đ
6	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	IMP-EG09	Lom	QCVN 16:2019/BXD	1L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		402.778 đ	402.778 đ	402.778 đ
7	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	IMP-EG09	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.758.333 đ	1.758.333 đ	1.758.333 đ
8	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	IMP-EG09	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.474.074 đ	5.474.074 đ	5.474.074 đ
9	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	E9	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		487.037 đ	487.037 đ	487.037 đ
10	SÀN PHẠM SƠN PHỤ NGOÀI THẤT	E9	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.008.333 đ	2.008.333 đ	2.008.333 đ
<b>XIII SÀN PHẠM SƠN PHỤ ĐẶC BIỆT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	SÀN PHẠM SƠN PHỤ ĐẶC BIỆT	ICL	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		388.889 đ	388.889 đ	388.889 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị**	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...*	Khu vực xã...
<b>XIV SẢN PHẨM SƠN CHỐNG THÂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	SẢN PHẨM SƠN CHỐNG THÂM	IMP-CT12	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.126.852 đ	1.126.852 đ	1.126.852 đ
2	SẢN PHẨM SƠN CHỐNG THÂM	IMP-CT12	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.455.556 đ	3.455.556 đ	3.455.556 đ
3	SẢN PHẨM SƠN CHỐNG THÂM	ETM	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.217.593 đ	1.217.593 đ	1.217.593 đ
4	SẢN PHẨM SƠN CHỐNG THÂM	ETM	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.057.407 đ	4.057.407 đ	4.057.407 đ
5	SẢN PHẨM SƠN CHỐNG THÂM	CTS-01	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.237.037 đ	1.237.037 đ	1.237.037 đ
6	SẢN PHẨM SƠN CHỐNG THÂM	CTS-01	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.229.630 đ	4.229.630 đ	4.229.630 đ
<b>XV SẢN PHẨM BỘT BÀ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	SẢN PHẨM BỘT BÀ	IMP-IP15	Bao	QCVN 16:2019/BXD	40kg	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		404.630 đ	404.630 đ	404.630 đ
2	SẢN PHẨM BỘT BÀ	IMP-EP14	Bao	QCVN 16:2019/BXD	40kg	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		500.000 đ	500.000 đ	500.000 đ
<b>XVI SẢN PHẨM ỒNG HDPE 80 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	MB ỒNG HDPE 80	Ồng HDPE 80 D20 PN6	m	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.666 đ	4.666 đ	4.666 đ
2	MB ỒNG HDPE 80	Ồng HDPE 80 D20 PN8	m	QCVN 16:2019/BXD	1,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.229 đ	5.229 đ	5.229 đ
3	MB ỒNG HDPE 80	Ồng HDPE 80 D20 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.838 đ	6.838 đ	6.838 đ
4	MB ỒNG HDPE 80	Ồng HDPE 80 D20 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.723 đ	7.723 đ	7.723 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
5	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D20 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	2.3	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.172 đ	9.172 đ	9.172 đ
6	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D25 PN6	m	QCVN 16:2019/BXD	1,2	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.838 đ	6.838 đ	6.838 đ
7	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D25 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.850 đ	8.850 đ	8.850 đ
8	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D25 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.818 đ	9.818 đ	9.818 đ
9	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D25 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	2.3	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.665 đ	11.665 đ	11.665 đ
10	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D25 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.642 đ	14.642 đ	14.642 đ
11	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D32 PN6	m	QCVN 16:2019/BXD	1,6	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.067 đ	12.067 đ	12.067 đ
12	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D32 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.455 đ	13.455 đ	13.455 đ
13	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D32 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	2.4	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.090 đ	16.090 đ	16.090 đ
14	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D32 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.909 đ	18.909 đ	18.909 đ
15	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D32 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	3.6	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.636 đ	22.636 đ	22.636 đ
16	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D40 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.895 đ	16.895 đ	16.895 đ
17	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D40 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	2.4	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		20.112 đ	20.112 đ	20.112 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
18	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D40 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.273 đ	24.273 đ	24.273 đ
19	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D40 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	3,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.766 đ	29.766 đ	29.766 đ
20	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D40 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	4,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		34.636 đ	34.636 đ	34.636 đ
21	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D50 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	2,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.818 đ	25.818 đ	25.818 đ
22	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D50 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		31.273 đ	31.273 đ	31.273 đ
23	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D50 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	3,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		37.364 đ	37.364 đ	37.364 đ
24	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D50 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	4,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		45.182 đ	45.182 đ	45.182 đ
25	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D50 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	5,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		54.706 đ	54.706 đ	54.706 đ
26	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D63 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		40.226 đ	40.226 đ	40.226 đ
27	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D63 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	3,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		49.880 đ	49.880 đ	49.880 đ
28	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D63 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	4,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		60.338 đ	60.338 đ	60.338 đ
29	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D63 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	5,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		71.818 đ	71.818 đ	71.818 đ
30	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D63 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	7,1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		86.887 đ	86.887 đ	86.887 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
31	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D75 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	3.6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		57.120 đ	57.120 đ	57.120 đ
32	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D75 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	4.5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		70.796 đ	70.796 đ	70.796 đ
33	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D75 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	5.6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		85.278 đ	85.278 đ	85.278 đ
34	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D75 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	6.8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		102.977 đ	102.977 đ	102.977 đ
35	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D75 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	8.4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		122.285 đ	122.285 đ	122.285 đ
36	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D90 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	4.3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		91.273 đ	91.273 đ	91.273 đ
37	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D90 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	5.4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		101.909 đ	101.909 đ	101.909 đ
38	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D90 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	6.7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		120.818 đ	120.818 đ	120.818 đ
39	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D90 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	8.2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		146.420 đ	146.420 đ	146.420 đ
40	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D90 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	10.1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		176.991 đ	176.991 đ	176.991 đ
41	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D110 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	5.3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		120.676 đ	120.676 đ	120.676 đ
42	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D110 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	6.6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		152.856 đ	152.856 đ	152.856 đ
43	MB ÔNG HDPE 80	Ông HDPE 80 D110 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	8.1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		182.545 đ	182.545 đ	182.545 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
44	MB ống HDPE 80	Ống HDPE 80 D110 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		221.239 đ	221.239 đ	221.239 đ
45	MB ống HDPE 80	Ống HDPE 80 D110 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	12,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		265.487 đ	265.487 đ	265.487 đ
<b>XVII SẢN PHẨM ống NHỰA HDPE - PE100 STROMAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D20 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.666 đ	4.666 đ	4.666 đ
2	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D20 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	1,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.229 đ	5.229 đ	5.229 đ
3	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D20 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.838 đ	6.838 đ	6.838 đ
4	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D20 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.727 đ	7.727 đ	7.727 đ
5	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D20 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	2,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.172 đ	9.172 đ	9.172 đ
6	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D25 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.034 đ	6.034 đ	6.034 đ
7	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D25 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	1,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.838 đ	6.838 đ	6.838 đ
8	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D25 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.850 đ	8.850 đ	8.850 đ
9	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D25 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.818 đ	9.818 đ	9.818 đ
10	ống NHỰA HDPE PE100 STROMAN	ống HDPE 100 D25 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	2,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.727 đ	11.727 đ	11.727 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
11	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D25 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.642 đ	14.642 đ	14.642 đ
12	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D32 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	1,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.252 đ	9.252 đ	9.252 đ
13	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D32 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	1,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.067 đ	12.067 đ	12.067 đ
14	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D32 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.182 đ	13.182 đ	13.182 đ
15	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D32 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	2,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.091 đ	16.091 đ	16.091 đ
16	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D32 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.906 đ	18.906 đ	18.906 đ
17	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D32 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	3,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.636 đ	22.636 đ	22.636 đ
18	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D40 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	1,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.090 đ	16.090 đ	16.090 đ
19	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D40 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.895 đ	16.895 đ	16.895 đ
20	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D40 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	2,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		20.112 đ	20.112 đ	20.112 đ
21	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D40 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.273 đ	24.273 đ	24.273 đ
22	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D40 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	3,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.766 đ	29.766 đ	29.766 đ
23	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D40 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	4,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		34.636 đ	34.636 đ	34.636 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... phường...	Khu vực xã...
24	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D50 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.135 đ	24.135 đ	24.135 đ
25	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D50 PN8	m	QCVN 16:2019/BXD	2,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.818 đ	25.818 đ	25.818 đ
26	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D50 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		30.818 đ	30.818 đ	30.818 đ
27	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D50 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	3,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		37.091 đ	37.091 đ	37.091 đ
28	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D50 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	4,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		45.273 đ	45.273 đ	45.273 đ
29	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D50 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	5,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		54.706 đ	54.706 đ	54.706 đ
30	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D63 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	2,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		40.226 đ	40.226 đ	40.226 đ
31	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D63 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	3,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		40.226 đ	40.226 đ	40.226 đ
32	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D63 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	3,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		49.880 đ	49.880 đ	49.880 đ
33	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D63 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	4,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		60.338 đ	60.338 đ	60.338 đ
34	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D63 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	5,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		71.601 đ	71.601 đ	71.601 đ
35	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D63 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	7,1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		86.887 đ	86.887 đ	86.887 đ
36	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D75 PN6	m	QCVN 16:2019/BXD	2,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		53.500 đ	53.500 đ	53.500 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
37	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D75 PN8	m	QCVN 16:2019/BXD	3,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		57.119 đ	57.119 đ	57.119 đ
38	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D75 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	4,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		70.796 đ	70.796 đ	70.796 đ
39	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D75 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	5,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		85.278 đ	85.278 đ	85.278 đ
40	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D75 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	6,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		102.977 đ	102.977 đ	102.977 đ
41	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D75 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	8,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		122.285 đ	122.285 đ	122.285 đ
42	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D90 PN6	m	QCVN 16:2019/BXD	3,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		80.450 đ	80.450 đ	80.450 đ
43	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D90 PN8	m	QCVN 16:2019/BXD	4,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		90.104 đ	90.104 đ	90.104 đ
44	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D90 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	5,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		100.563 đ	100.563 đ	100.563 đ
45	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D90 PN12.5	m	QCVN 16:2019/BXD	6,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		120.676 đ	120.676 đ	120.676 đ
46	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D90 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	8,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		146.420 đ	146.420 đ	146.420 đ
47	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D90 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	10,1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		176.991 đ	176.991 đ	176.991 đ
48	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D110 PN06	m	QCVN 16:2019/BXD	4,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		97.273 đ	97.273 đ	97.273 đ
49	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D110 PN08	m	QCVN 16:2019/BXD	5,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		120.818 đ	120.818 đ	120.818 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
50	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D110 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	6,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		152.856 đ	152.856 đ	152.856 đ
51	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D110 PN12,5	m	QCVN 16:2019/BXD	8,1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		181.013 đ	181.013 đ	181.013 đ
52	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D110 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		221.239 đ	221.239 đ	221.239 đ
53	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D110 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	12,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		265.487 đ	265.487 đ	265.487 đ
54	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D125 PN6	m	QCVN 16:2019/BXD	4,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		125.818 đ	125.818 đ	125.818 đ
55	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D125 PN8	m	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		156.879 đ	156.879 đ	156.879 đ
56	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D125 PN10	m	QCVN 16:2019/BXD	7,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		193.081 đ	193.081 đ	193.081 đ
57	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D125 PN12,5	m	QCVN 16:2019/BXD	9,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		233.306 đ	233.306 đ	233.306 đ
58	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D125 PN16	m	QCVN 16:2019/BXD	11,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		285.599 đ	285.599 đ	285.599 đ
59	ÔNG NHỰA HDPE PE100 STROMAN	Ông HDPE 100 D125 PN20	m	QCVN 16:2019/BXD	14,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		337.892 đ	337.892 đ	337.892 đ
<b>XVIII SÀN PHẪM PHỤ KIỆN NHỰA HDPE STROMAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	CỨT	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.636 đ	23.636 đ	23.636 đ
2	CỨT	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		27.273 đ	27.273 đ	27.273 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... ...	Khu vực xã...
3	CỨT	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.364 đ	36.364 đ	36.364 đ
4	CỨT	40	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		59.091 đ	59.091 đ	59.091 đ
5	CỨT	50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		77.273 đ	77.273 đ	77.273 đ
6	CỨT	63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		127.273 đ	127.273 đ	127.273 đ
7	CỨT	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		181.818 đ	181.818 đ	181.818 đ
8	CỨT	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		309.091 đ	309.091 đ	309.091 đ
9	CỨT REN NGOÀI	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.545 đ	14.545 đ	14.545 đ
10	CỨT REN NGOÀI	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.364 đ	16.364 đ	16.364 đ
11	CỨT REN NGOÀI	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.364 đ	16.364 đ	16.364 đ
12	CỨT REN NGOÀI	25x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.364 đ	16.364 đ	16.364 đ
13	CỨT REN TRONG	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.455 đ	15.455 đ	15.455 đ
14	CỨT REN TRONG	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.091 đ	19.091 đ	19.091 đ
15	CỨT REN TRONG	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.091 đ	19.091 đ	19.091 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...*	Khu vực xã...
16	TÊ	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.545 đ	24.545 đ	24.545 đ
17	TÊ	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.364 đ	36.364 đ	36.364 đ
18	TÊ	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		40.909 đ	40.909 đ	40.909 đ
19	TÊ	40	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		77.273 đ	77.273 đ	77.273 đ
20	TÊ	50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		122.727 đ	122.727 đ	122.727 đ
21	TÊ	63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		150.000 đ	150.000 đ	150.000 đ
22	TÊ	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		240.909 đ	240.909 đ	240.909 đ
23	TÊ	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		454.545 đ	454.545 đ	454.545 đ
24	TÊ REN TRONG	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.636 đ	23.636 đ	23.636 đ
25	TÊ REN TRONG	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		30.909 đ	30.909 đ	30.909 đ
26	TÊ REN TRONG	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		30.909 đ	30.909 đ	30.909 đ
27	TÊ REN TRONG	25x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		30.909 đ	30.909 đ	30.909 đ
28	TÊ REN NGOÀI	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.636 đ	23.636 đ	23.636 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... ...	Khu vực xã... ...
29	TÊ REN NGOÀI	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		30.909 đ	30.909 đ	30.909 đ
30	TÊ REN NGOÀI	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		30.909 đ	30.909 đ	30.909 đ
31	CÔNG THU	32-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		40.000 đ	40.000 đ	40.000 đ
32	CÔNG THU	40-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		47.273 đ	47.273 đ	47.273 đ
33	CÔNG THU	40-32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		47.273 đ	47.273 đ	47.273 đ
34	CÔNG THU	50-40	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		63.636 đ	63.636 đ	63.636 đ
35	TÊ THU	25-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		43.636 đ	43.636 đ	43.636 đ
36	TÊ THU	32-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		59.091 đ	59.091 đ	59.091 đ
37	TÊ THU	32-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		59.091 đ	59.091 đ	59.091 đ
38	TÊ THU	40-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		77.273 đ	77.273 đ	77.273 đ
39	TÊ THU	40-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		77.273 đ	77.273 đ	77.273 đ
40	TÊ THU	40-32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		77.273 đ	77.273 đ	77.273 đ
41	TÊ THU	50-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		90.909 đ	90.909 đ	90.909 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
42	TÊ THU	63-40	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		131.818 đ	131.818 đ	131.818 đ
43	TÊ THU	75-50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		240.909 đ	240.909 đ	240.909 đ
44	TÊ THU	75-63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		240.909 đ	240.909 đ	240.909 đ
45	MÀNG SÔNG	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.091 đ	19.091 đ	19.091 đ
46	MÀNG SÔNG	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.091 đ	29.091 đ	29.091 đ
47	MÀNG SÔNG	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.364 đ	36.364 đ	36.364 đ
48	MÀNG SÔNG	40	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		54.545 đ	54.545 đ	54.545 đ
49	MÀNG SÔNG	50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		72.727 đ	72.727 đ	72.727 đ
50	MÀNG SÔNG	63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		95.455 đ	95.455 đ	95.455 đ
51	MÀNG SÔNG	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		154.545 đ	154.545 đ	154.545 đ
52	MÀNG SÔNG	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		272.727 đ	272.727 đ	272.727 đ
53	MÀNG SÔNG REN TRONG	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.727 đ	12.727 đ	12.727 đ
54	MÀNG SÔNG REN TRONG	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		17.273 đ	17.273 đ	17.273 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... phường...	Khu vực xã...
55	MÀNG SÔNG REN TRONG	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		17.273 đ	17.273 đ	17.273 đ
56	MÀNG SÔNG REN NGOÀI	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.636 đ	13.636 đ	13.636 đ
57	MÀNG SÔNG REN NGOÀI	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.364 đ	16.364 đ	16.364 đ
58	MÀNG SÔNG REN NGOÀI	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.364 đ	16.364 đ	16.364 đ
59	MÀNG SÔNG REN NGOÀI	50x1.1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		61.818 đ	61.818 đ	61.818 đ
<b>XIX SÀN PHẪM ỒNG NHỰA PPR STROMAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	ỒNG PPR	20	M	QCVN 16:2019/BXD	2,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.346 đ	9.346 đ	9.346 đ
2	ỒNG PPR	20	M	QCVN 16:2019/BXD	2,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.400 đ	10.400 đ	10.400 đ
3	ỒNG PPR	25	M	QCVN 16:2019/BXD	2,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.691 đ	16.691 đ	16.691 đ
4	ỒNG PPR	25	M	QCVN 16:2019/BXD	3,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.200 đ	19.200 đ	19.200 đ
5	ỒNG PPR	32	M	QCVN 16:2019/BXD	2,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.636 đ	21.636 đ	21.636 đ
6	ỒNG PPR	32	M	QCVN 16:2019/BXD	4,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		26.000 đ	26.000 đ	26.000 đ
7	ỒNG PPR	40	M	QCVN 16:2019/BXD	3,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.018 đ	29.018 đ	29.018 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
8	ÔNG PPR	40	M	QCVN 16:2019/BXD	5,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		35.200 đ	35.200 đ	35.200 đ
9	ÔNG PPR	50	M	QCVN 16:2019/BXD	4,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		42.509 đ	42.509 đ	42.509 đ
10	ÔNG PPR	50	M	QCVN 16:2019/BXD	6,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		56.000 đ	56.000 đ	56.000 đ
11	ÔNG PPR	63	M	QCVN 16:2019/BXD	5,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		67.600 đ	67.600 đ	67.600 đ
12	ÔNG PPR	63	M	QCVN 16:2019/BXD	8,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		88.000 đ	88.000 đ	88.000 đ
13	ÔNG PPR	75	M	QCVN 16:2019/BXD	6,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		94.000 đ	94.000 đ	94.000 đ
14	ÔNG PPR	75	M	QCVN 16:2019/BXD	10,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		120.000 đ	120.000 đ	120.000 đ
15	ÔNG PPR	90	M	QCVN 16:2019/BXD	8,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		137.200 đ	137.200 đ	137.200 đ
16	ÔNG PPR	90	M	QCVN 16:2019/BXD	12,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		168.000 đ	168.000 đ	168.000 đ
17	ÔNG PPR	110	M	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		219.600 đ	219.600 đ	219.600 đ
18	ÔNG PPR	110	M	QCVN 16:2019/BXD	15,1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		256.000 đ	256.000 đ	256.000 đ
19	ÔNG PPR UV	20	M	QCVN 16:2019/BXD	4,1	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.800 đ	12.800 đ	12.800 đ
20	ÔNG PPR UV	25	M	QCVN 16:2019/BXD	2,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.691 đ	16.691 đ	16.691 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
21	ÔNG PPR UV		M	QCVN 16:2019/BXD	4,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		20.291 đ	20.291 đ	20.291 đ
22	ÔNG PPR UV		M	QCVN 16:2019/BXD	2,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.636 đ	21.636 đ	21.636 đ
23	ÔNG PPR UV		M	QCVN 16:2019/BXD	3,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.018 đ	29.018 đ	29.018 đ
24	ÔNG PPR UV		M	QCVN 16:2019/BXD	4,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		42.509 đ	42.509 đ	42.509 đ
25	ÔNG PPR UV		M	QCVN 16:2019/BXD	8,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		71.818 đ	71.818 đ	71.818 đ
<b>XX SẢN PHẨM PHỤ KIỆN NHỰA PPR STROMAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	CỨT		Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.327 đ	2.327 đ	2.327 đ
2	CỨT		Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.091 đ	3.091 đ	3.091 đ
3	CỨT		Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.418 đ	5.418 đ	5.418 đ
4	CỨT		Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.800 đ	8.800 đ	8.800 đ
5	CỨT		Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.454 đ	15.454 đ	15.454 đ
6	CỨT		Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		47.273 đ	47.273 đ	47.273 đ
7	CỨT RẸN NGOÀI		Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.818 đ	23.818 đ	23.818 đ





STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... phường...	Khu vực xã...
21	CHÉCH	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.654 đ	4.654 đ	4.654 đ
22	CHÉCH	63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		40.400 đ	40.400 đ	40.400 đ
23	CÒN THU	25-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.927 đ	1.927 đ	1.927 đ
24	CÒN THU	32-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.727 đ	2.727 đ	2.727 đ
25	CÒN THU	32-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.727 đ	2.727 đ	2.727 đ
26	CÒN THU	63-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.654 đ	14.654 đ	14.654 đ
27	CÒN THU	63-32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.654 đ	14.654 đ	14.654 đ
28	CÒN THU	63-40	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.654 đ	14.654 đ	14.654 đ
29	CÒN THU	63-50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.654 đ	14.654 đ	14.654 đ
30	CÒN THU	90-50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		37.818 đ	37.818 đ	37.818 đ
31	CÒN THU	90-63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.146 đ	48.146 đ	48.146 đ
32	CÒN THU	90-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.146 đ	48.146 đ	48.146 đ
33	TÊ THU	25-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.218 đ	4.218 đ	4.218 đ



STK	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
34	TÊ THU	32-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.418 đ	7.418 đ	7.418 đ
35	TÊ THU	32-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.418 đ	7.418 đ	7.418 đ
36	TÊ THU	63-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		50.291 đ	50.291 đ	50.291 đ
37	TÊ THU	63-32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		50.291 đ	50.291 đ	50.291 đ
38	TÊ THU	63-40	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		50.291 đ	50.291 đ	50.291 đ
39	TÊ THU	63-50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		50.291 đ	50.291 đ	50.291 đ
40	TÊ THU	90-50	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		108.000 đ	108.000 đ	108.000 đ
41	TÊ THU	90-63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		116.000 đ	116.000 đ	116.000 đ
42	TÊ THU	90-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		127.600 đ	127.600 đ	127.600 đ
43	MÀNG SÔNG	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.236 đ	1.236 đ	1.236 đ
44	MÀNG SÔNG	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.073 đ	2.073 đ	2.073 đ
45	MÀNG SÔNG	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.200 đ	3.200 đ	3.200 đ
46	MÀNG SÔNG	63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.400 đ	18.400 đ	18.400 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
47	MÀNG SÔNG REN TRONG	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.273 đ	15.273 đ	15.273 đ
48	MÀNG SÔNG REN TRONG	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.618 đ	18.618 đ	18.618 đ
49	MÀNG SÔNG REN NGOÀI	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.200 đ	19.200 đ	19.200 đ
50	MÀNG SÔNG REN NGOÀI	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.218 đ	22.218 đ	22.218 đ
51	NỨT BÍT	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.164 đ	1.164 đ	1.164 đ
52	NỨT BÍT	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.000 đ	2.000 đ	2.000 đ
53	NỨT BÍT	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.618 đ	2.618 đ	2.618 đ
54	ZẮC CO	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.200 đ	15.200 đ	15.200 đ
55	ZẮC CO	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.400 đ	22.400 đ	22.400 đ
56	ZẮC CO	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		32.218 đ	32.218 đ	32.218 đ
57	ZẮC CO REN TRONG	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.364 đ	36.364 đ	36.364 đ
58	ZẮC CO REN NGOÀI	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		42.182 đ	42.182 đ	42.182 đ
59	ZẮC CO REN NGOÀI	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		67.273 đ	67.273 đ	67.273 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
60	ÔNG TRÁNH	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.000 đ	6.000 đ	6.000 đ
61	VAN CHẶN	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		65.454 đ	65.454 đ	65.454 đ
62	VAN CHẶN	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		80.800 đ	80.800 đ	80.800 đ
63	VAN CHẶN	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		93.200 đ	93.200 đ	93.200 đ
64	VAN MỎ CỬA 100%	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	20,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		80.000 đ	80.000 đ	80.000 đ
65	VAN MỎ CỬA 100%	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	20,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		92.000 đ	92.000 đ	92.000 đ
66	VAN MỎ CỬA 100%	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	20,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		138.182 đ	138.182 đ	138.182 đ
67	VAN BI	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	20,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		38.873 đ	38.873 đ	38.873 đ
<b>XXI SẢN PHẨM PHỤ KIỆN NHỰA PPR UV STROMAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH</b>													
1	CỨT PPR UV	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.787 đ	2.787 đ	2.787 đ
2	CỨT PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.665 đ	3.665 đ	3.665 đ
3	CỨT PPR UV	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.415 đ	6.415 đ	6.415 đ
4	CỨT REN NGOÀI PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.484 đ	28.484 đ	28.484 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
5	CỨT REN NGOÀI PPR UV	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		32.225 đ	32.225 đ	32.225 đ
6	CỨT REN TRONG PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		20.236 đ	20.236 đ	20.236 đ
7	CỨT REN TRONG PPR UV	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.985 đ	22.985 đ	22.985 đ
8	TÊ PPR UV	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.284 đ	3.284 đ	3.284 đ
9	TÊ PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.040 đ	5.040 đ	5.040 đ
10	TÊ PPR UV	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.285 đ	8.285 đ	8.285 đ
11	TÊ REN NGOÀI PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.162 đ	25.162 đ	25.162 đ
12	TÊ REN NGOÀI PPR UV	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		27.262 đ	27.262 đ	27.262 đ
13	TÊ REN TRONG PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		20.389 đ	20.389 đ	20.389 đ
14	TÊ REN TRONG PPR UV	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.840 đ	21.840 đ	21.840 đ
15	CHÉCH PPR UV	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.291 đ	2.291 đ	2.291 đ
16	CHÉCH PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.704 đ	3.704 đ	3.704 đ
17	CHÉCH PPR UV	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.536 đ	5.536 đ	5.536 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
18	CÔNG THU PPR UV	25-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.291 đ	2.291 đ	2.291 đ
19	CÔNG THU PPR UV	32-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.284 đ	3.284 đ	3.284 đ
20	CÔNG THU PPR UV	32-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.284 đ	3.284 đ	3.284 đ
21	TÊ THU PPR UV	25-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.040 đ	5.040 đ	5.040 đ
22	TÊ THU PPR UV	32-20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.858 đ	8.858 đ	8.858 đ
23	TÊ THU PPR UV	32-25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.858 đ	8.858 đ	8.858 đ
24	MĂNG SÔNG PPR UV	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.489 đ	1.489 đ	1.489 đ
25	MĂNG SÔNG PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.520 đ	2.520 đ	2.520 đ
26	MĂNG SÔNG PPR UV	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.856 đ	3.856 đ	3.856 đ
27	MĂNG SÔNG PPR UV	63	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.329 đ	23.329 đ	23.329 đ
28	MĂNG SÔNG REN TRONG PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.213 đ	18.213 đ	18.213 đ
29	MĂNG SÔNG REN TRONG PPR UV	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.489 đ	22.489 đ	22.489 đ
30	MĂNG SÔNG REN NGOÀI PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.062 đ	23.062 đ	23.062 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
31	MĂNG SÔNG REN NGOÀI PPR UV	25x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		26.956 đ	26.956 đ	26.956 đ
32	NỨT BÍT PPR UV	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.375 đ	1.375 đ	1.375 đ
33	NỨT BÍT PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.405 đ	2.405 đ	2.405 đ
34	ÔNG TRÁNH PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.222 đ	10.222 đ	10.222 đ
35	ZẮC CO PPR UV	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.251 đ	18.251 đ	18.251 đ
36	ZẮC CO PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.331 đ	28.331 đ	28.331 đ
37	ZẮC CO REN TRONNG PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		43.375 đ	43.375 đ	43.375 đ
38	ZẮC CO REN NGOÀI PPR UV	20x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		46.238 đ	46.238 đ	46.238 đ
39	ZẮC CO REN NGOÀI PPR UV	25x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		69.262 đ	69.262 đ	69.262 đ
40	ÔNG TRÁNH PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	25,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.222 đ	10.222 đ	10.222 đ
41	VAN MỠ CỬA 100% PPR UV	20	Cái	QCVN 16:2019/BXD	20,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		95.493 đ	95.493 đ	95.493 đ
42	VAN MỠ CỬA 100% PPR UV	25	Cái	QCVN 16:2019/BXD	20,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		111.605 đ	111.605 đ	111.605 đ
43	VAN MỠ CỬA 100% PPR UV	32	Cái	QCVN 16:2019/BXD	20,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		158.416 đ	158.416 đ	158.416 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
13	Ông uPVC C1 D34	34	M	QCVN 16:2019/BXD	1,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.798 đ	15.798 đ	15.798 đ
14	Ông uPVC C2 D34	34	M	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.190 đ	19.190 đ	19.190 đ
15	Ông uPVC C3 D34	34	M	QCVN 16:2019/BXD	2,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.957 đ	21.957 đ	21.957 đ
16	Ông uPVC thoát D42	42	M	QCVN 16:2019/BXD	1,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.423 đ	16.423 đ	16.423 đ
17	Ông uPVC C0 D42	42	M	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.387 đ	18.387 đ	18.387 đ
18	Ông uPVC C1 D42	42	M	QCVN 16:2019/BXD	1,7	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.600 đ	21.600 đ	21.600 đ
19	Ông uPVC C2 D42	42	M	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.635 đ	24.635 đ	24.635 đ
20	Ông uPVC C3 D42	42	M	QCVN 16:2019/BXD	2,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.919 đ	28.919 đ	28.919 đ
21	Ông uPVC thoát D48	48	M	QCVN 16:2019/BXD	1,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.190 đ	19.190 đ	19.190 đ
22	Ông uPVC C0 D48	48	M	QCVN 16:2019/BXD	1,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.492 đ	22.492 đ	22.492 đ
23	Ông uPVC C1 D48	48	M	QCVN 16:2019/BXD	1,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.706 đ	25.706 đ	25.706 đ
24	Ông uPVC C2 D48	48	M	QCVN 16:2019/BXD	2,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.633 đ	29.633 đ	29.633 đ
25	Ông uPVC C3 D48	48	M	QCVN 16:2019/BXD	2,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		35.881 đ	35.881 đ	35.881 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
26	Ông uPVC thoát D60	60	M	QCVN 16:2019/BXD	1,4	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.992 đ	24.992 đ	24.992 đ
27	Ông uPVC C0 D60	60	M	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.901 đ	29.901 đ	29.901 đ
28	Ông uPVC C1 D60	60	M	QCVN 16:2019/BXD	1,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.506 đ	36.506 đ	36.506 đ
29	Ông uPVC C2 D60	60	M	QCVN 16:2019/BXD	2,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		42.486 đ	42.486 đ	42.486 đ
30	Ông uPVC C3 D60	60	M	QCVN 16:2019/BXD	2,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		51.323 đ	51.323 đ	51.323 đ
31	Ông uPVC thoát D75	75	M	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		35.077 đ	35.077 đ	35.077 đ
32	Ông uPVC C0 D75	75	M	QCVN 16:2019/BXD	1,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		40.879 đ	40.879 đ	40.879 đ
33	Ông uPVC C1 D75	75	M	QCVN 16:2019/BXD	2,3	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		46.324 đ	46.324 đ	46.324 đ
34	Ông uPVC C2 D75	75	M	QCVN 16:2019/BXD	2,9	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		60.338 đ	60.338 đ	60.338 đ
35	Ông uPVC C3 D75	75	M	QCVN 16:2019/BXD	3,6	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		74.797 đ	74.797 đ	74.797 đ
36	Ông uPVC thoát D90	90	M	QCVN 16:2019/BXD	1,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		42.753 đ	42.753 đ	42.753 đ
37	Ông uPVC C0 D90	90	M	QCVN 16:2019/BXD	1,8	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.912 đ	48.912 đ	48.912 đ
38	Ông uPVC C1 D90	90	M	QCVN 16:2019/BXD	2,2	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		57.213 đ	57.213 đ	57.213 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
39	Ông uPVC C2 D90	90	M	QCVN 16:2019/BXD	2,7	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		66.139 đ	66.139 đ	66.139 đ
40	Ông uPVC C3 D90	90	M	QCVN 16:2019/BXD	3,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		86.757 đ	86.757 đ	86.757 đ
41	Ông uPVC C5 D90	90	M	QCVN 16:2019/BXD	5,4	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		133.795 đ	133.795 đ	133.795 đ
42	Ông uPVC thoát D110	110	M	QCVN 16:2019/BXD	1,9	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		64.621 đ	64.621 đ	64.621 đ
43	Ông uPVC C0 D110	110	M	QCVN 16:2019/BXD	2,2	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		73.101 đ	73.101 đ	73.101 đ
44	Ông uPVC C1 D110	110	M	QCVN 16:2019/BXD	2,7	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		85.150 đ	85.150 đ	85.150 đ
45	Ông uPVC C2 D110	110	M	QCVN 16:2019/BXD	3,2	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		96.932 đ	96.932 đ	96.932 đ
46	Ông uPVC C3 D110	110	M	QCVN 16:2019/BXD	4,2	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		135.848 đ	135.848 đ	135.848 đ
47	Ông uPVC thoát D125	125	M	QCVN 16:2019/BXD	2,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		71.315 đ	71.315 đ	71.315 đ
48	Ông uPVC C0 D125	125	M	QCVN 16:2019/BXD	2,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		89.881 đ	89.881 đ	89.881 đ
49	Ông uPVC C1 D125	125	M	QCVN 16:2019/BXD	3,1	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		105.323 đ	105.323 đ	105.323 đ
50	Ông uPVC C2 D125	125	M	QCVN 16:2019/BXD	3,7	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		124.691 đ	124.691 đ	124.691 đ
51	Ông uPVC C3 D125	125	M	QCVN 16:2019/BXD	4,8	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		158.341 đ	158.341 đ	158.341 đ



**XXIII SẢN PHẨM PHỤ KIỆN UPVC STROMAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH**

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... ...	Khu vực xã...
1	BẠC CHUYÊN BẠC	75-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.005 đ	7.005 đ	7.005 đ
2	BẠC CHUYÊN BẠC	75-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.005 đ	7.005 đ	7.005 đ
3	BẠC CHUYÊN BẠC	75-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.005 đ	7.005 đ	7.005 đ
4	BẠC CHUYÊN BẠC	75-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.005 đ	7.005 đ	7.005 đ
5	BẠC CHUYÊN BẠC	90-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.668 đ	10.668 đ	10.668 đ
6	BẠC CHUYÊN BẠC	90-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.311 đ	11.311 đ	11.311 đ
7	BẠC CHUYÊN BẠC	90-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.146 đ	12.146 đ	12.146 đ
8	BẠC CHUYÊN BẠC	90-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.797 đ	10.797 đ	10.797 đ
9	BẠC CHUYÊN BẠC	110-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.207 đ	21.207 đ	21.207 đ
10	BẠC CHUYÊN BẠC	110-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.107 đ	22.107 đ	22.107 đ
11	BẠC CHUYÊN BẠC	110-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.585 đ	23.585 đ	23.585 đ
12	BẠC CHUYÊN BẠC	110-90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.935 đ	24.935 đ	24.935 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... ...	Khu vực xã...
13	BỊT XÀ THÔNG TẮC	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.354 đ	8.354 đ	8.354 đ
14	BỊT XÀ THÔNG TẮC	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.624 đ	13.624 đ	13.624 đ
15	BỊT XÀ THÔNG TẮC	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		17.544 đ	17.544 đ	17.544 đ
16	BỊT XÀ THÔNG TẮC	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		27.248 đ	27.248 đ	27.248 đ
17	BỊT XÀ THÔNG TẮC	125	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.198 đ	48.198 đ	48.198 đ
18	CHÉCH	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
19	CHÉCH	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.349 đ	1.349 đ	1.349 đ
20	CHÉCH	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.956 đ	2.956 đ	2.956 đ
21	CHÉCH	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.022 đ	2.022 đ	2.022 đ
22	CHÉCH	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
23	CHÉCH	42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.021 đ	3.021 đ	3.021 đ
24	CHÉCH	48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.820 đ	4.820 đ	4.820 đ
25	CHÉCH	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.905 đ	7.905 đ	7.905 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
26	CHÉCH	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.689 đ	13.689 đ	13.689 đ
27	CHÉCH	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		17.930 đ	17.930 đ	17.930 đ
28	CHÉCH	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		27.376 đ	27.376 đ	27.376 đ
29	CHÉCH	125	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		48.455 đ	48.455 đ	48.455 đ
30	CÒN THU	27-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		964 đ	964 đ	964 đ
31	CÒN THU	34-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.349 đ	1.349 đ	1.349 đ
32	CÒN THU	34-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.735 đ	1.735 đ	1.735 đ
33	CÒN THU	42-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.992 đ	1.992 đ	1.992 đ
34	CÒN THU	42-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
35	CÒN THU	42-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.249 đ	2.249 đ	2.249 đ
36	CÒN THU	48-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.763 đ	2.763 đ	2.763 đ
37	CÒN THU	48-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.892 đ	2.892 đ	2.892 đ
38	CÒN THU	48-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.956 đ	2.956 đ	2.956 đ



STT*	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường... phương...	Khu vực xã...
39	CÔNG THU	48-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.021 đ	3.021 đ	3.021 đ
40	CÔNG THU	60-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.728 đ	3.728 đ	3.728 đ
41	CÔNG THU	60-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.563 đ	4.563 đ	4.563 đ
42	CÔNG THU	60-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.563 đ	4.563 đ	4.563 đ
43	CÔNG THU	60-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.563 đ	4.563 đ	4.563 đ
44	CÔNG THU	60-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.820 đ	4.820 đ	4.820 đ
45	CÔNG THU	75-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.198 đ	7.198 đ	7.198 đ
46	CÔNG THU	75-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.198 đ	7.198 đ	7.198 đ
47	CÔNG THU	75-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.198 đ	7.198 đ	7.198 đ
48	CÔNG THU	75-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.583 đ	7.583 đ	7.583 đ
49	CÔNG THU	90-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.061 đ	9.061 đ	9.061 đ
50	CÔNG THU	90-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.961 đ	9.961 đ	9.961 đ
51	CÔNG THU	90-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.961 đ	9.961 đ	9.961 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
52	CÔNG THU	90-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.282 đ	10.282 đ	10.282 đ
53	CÔNG THU	90-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.182 đ	11.182 đ	11.182 đ
54	CÔNG THU	110-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.745 đ	15.745 đ	15.745 đ
55	CÔNG THU	110-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.102 đ	15.102 đ	15.102 đ
56	CÔNG THU	110-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.102 đ	15.102 đ	15.102 đ
57	CÔNG THU	110-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.809 đ	15.809 đ	15.809 đ
58	CÔNG THU	110-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.002 đ	16.002 đ	16.002 đ
59	CÔNG THU	110-90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.388 đ	16.388 đ	16.388 đ
60	CÔNG THU	125-90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.248 đ	22.248 đ	22.248 đ
61	CÔNG THU	125-110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		26.928 đ	26.928 đ	26.928 đ
62	CẮT REN NGOÀI ĐỒNG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.510 đ	11.510 đ	11.510 đ
63	CẮT REN NGOÀI	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.542 đ	1.542 đ	1.542 đ
64	CẮT REN NGOÀI	21x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.930 đ	2.930 đ	2.930 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
65	CỨT REN NGOÀI	27x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.974 đ	4.974 đ	4.974 đ
66	CỨT REN NGOÀI	27x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.335 đ	3.335 đ	3.335 đ
67	CỨT REN NGOÀI	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.442 đ	2.442 đ	2.442 đ
68	CỨT REN NGOÀI	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.861 đ	5.861 đ	5.861 đ
69	CỨT REN NGOÀI	34x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.428 đ	4.428 đ	4.428 đ
70	CỨT REN TRONG ĐỒNG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.933 đ	8.933 đ	8.933 đ
71	CỨT REN TRONG ĐỒNG	27x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.017 đ	12.017 đ	12.017 đ
72	CỨT REN TRONG ĐỒNG	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.331 đ	14.331 đ	14.331 đ
73	CỨT REN TRONG ĐỒNG	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		20.758 đ	20.758 đ	20.758 đ
74	CỨT REN TRONG ĐỒNG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.735 đ	1.735 đ	1.735 đ
75	CỨT REN TRONG ĐỒNG	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.249 đ	2.249 đ	2.249 đ
76	CỨT REN TRONG ĐỒNG	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.087 đ	4.087 đ	4.087 đ
77	CỨT THU	27-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.179 đ	2.179 đ	2.179 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
78	CỨT THU	34-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.859 đ	2.859 đ	2.859 đ
79	CỨT THU	34-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.271 đ	3.271 đ	3.271 đ
80	CỨT THU	42-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.697 đ	4.697 đ	4.697 đ
81	CỨT THU	42-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.315 đ	5.315 đ	5.315 đ
82	CỨT THU	60-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.289 đ	10.289 đ	10.289 đ
83	CỨT THU	60-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.332 đ	12.332 đ	12.332 đ
84	CỨT THU	90-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.218 đ	10.218 đ	10.218 đ
85	CỨT	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.029 đ	1.029 đ	1.029 đ
86	CỨT	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.249 đ	2.249 đ	2.249 đ
87	CỨT	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.607 đ	1.607 đ	1.607 đ
88	CỨT	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.828 đ	2.828 đ	2.828 đ
89	CỨT	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.442 đ	2.442 đ	2.442 đ
90	CỨT	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.570 đ	2.570 đ	2.570 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
91	CỨT	42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.984 đ	3.984 đ	3.984 đ
92	CỨT	48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.234 đ	6.234 đ	6.234 đ
93	CỨT	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.254 đ	9.254 đ	9.254 đ
94	CỨT	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.789 đ	12.789 đ	12.789 đ
95	CỨT	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.581 đ	16.581 đ	16.581 đ
96	CỨT	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.786 đ	21.786 đ	21.786 đ
97	CỨT	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		34.832 đ	34.832 đ	34.832 đ
98	CỨT	125	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		61.116 đ	61.116 đ	61.116 đ
99	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		933 đ	933 đ	933 đ
100	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		964 đ	964 đ	964 đ
101	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.167 đ	1.167 đ	1.167 đ
102	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.221 đ	1.221 đ	1.221 đ
103	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
104	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	42x1x1/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.956 đ	2.956 đ	2.956 đ
105	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	48x1x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.241 đ	4.241 đ	4.241 đ
106	MĂNG SÔNG REN TRONG ĐÔNG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.419 đ	8.419 đ	8.419 đ
107	MĂNG SÔNG REN TRONG ĐÔNG	27x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.992 đ	11.992 đ	11.992 đ
108	MĂNG SÔNG REN TRONG ĐÔNG	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		17.351 đ	17.351 đ	17.351 đ
109	MĂNG SÔNG REN TRONG ĐÔNG	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		24.523 đ	24.523 đ	24.523 đ
110	MĂNG SÔNG REN TRONG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		964 đ	964 đ	964 đ
111	MĂNG SÔNG REN TRONG	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.221 đ	1.221 đ	1.221 đ
112	MĂNG SÔNG REN TRONG	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.099 đ	2.099 đ	2.099 đ
113	MĂNG SÔNG REN TRONG	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
114	MĂNG SÔNG REN TRONG	42x1x1/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.956 đ	2.956 đ	2.956 đ
115	MĂNG SÔNG REN TRONG	48x1x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.241 đ	4.241 đ	4.241 đ
116	MĂNG SÔNG	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.029 đ	1.029 đ	1.029 đ



	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
117	MĂNG SÔNG	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.542 đ	1.542 đ	1.542 đ
118	MĂNG SÔNG	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.285 đ	1.285 đ	1.285 đ
119	MĂNG SÔNG	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
120	MĂNG SÔNG	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.249 đ	2.249 đ	2.249 đ
121	MĂNG SÔNG	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.414 đ	1.414 đ	1.414 đ
122	MĂNG SÔNG	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.249 đ	2.249 đ	2.249 đ
123	MĂNG SÔNG	42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.442 đ	2.442 đ	2.442 đ
124	MĂNG SÔNG	48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.149 đ	3.149 đ	3.149 đ
125	MĂNG SÔNG	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.398 đ	5.398 đ	5.398 đ
126	MĂNG SÔNG	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.889 đ	11.889 đ	11.889 đ
127	MĂNG SÔNG	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.391 đ	7.391 đ	7.391 đ
128	MĂNG SÔNG	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.025 đ	10.025 đ	10.025 đ
129	MĂNG SÔNG	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.660 đ	12.660 đ	12.660 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
130	MÀNG SÔNG	125	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.534 đ	28.534 đ	28.534 đ
131	NÚT BỊT REN NGOÀI	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		514 đ	514 đ	514 đ
132	NÚT BỊT REN NGOÀI	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		771 đ	771 đ	771 đ
133	NÚT BỊT REN NGOÀI	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.349 đ	1.349 đ	1.349 đ
134	NÚT BỊT	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		771 đ	771 đ	771 đ
135	NÚT BỊT	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.221 đ	1.221 đ	1.221 đ
136	NÚT BỊT	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
137	NÚT BỊT	42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.671 đ	1.671 đ	1.671 đ
138	NÚT BỊT	48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.442 đ	2.442 đ	2.442 đ
139	NÚT BỊT	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.358 đ	7.358 đ	7.358 đ
140	NÚT BỊT	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.647 đ	7.647 đ	7.647 đ
141	NÚT BỊT	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.354 đ	8.354 đ	8.354 đ
142	NÚT BỊT	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		17.351 đ	17.351 đ	17.351 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...*	Khu vực xã...
143	NÚT BỊT	114	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.239 đ	36.239 đ	36.239 đ
144	SIPHONG	60x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.550 đ	22.550 đ	22.550 đ
145	SIPHONG	75x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		42.916 đ	42.916 đ	42.916 đ
146	SIPHONG	90x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		58.654 đ	58.654 đ	58.654 đ
147	SIPHONG	110x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		81.680 đ	81.680 đ	81.680 đ
148	TÊ CONG	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		32.087 đ	32.087 đ	32.087 đ
149	TÊ CONG	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		53.403 đ	53.403 đ	53.403 đ
150	TÊ CONG	114	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		56.675 đ	56.675 đ	56.675 đ
151	TÊ REN NGOÀI ĐỒNG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.127 đ	12.127 đ	12.127 đ
152	TÊ REN NGOÀI ĐỒNG	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.733 đ	18.733 đ	18.733 đ
153	TÊ REN TRONG ĐỒNG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.732 đ	10.732 đ	10.732 đ
154	TÊ REN TRONG ĐỒNG	27x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.102 đ	15.102 đ	15.102 đ
155	TÊ REN TRONG ĐỒNG	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.102 đ	15.102 đ	15.102 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
156	TÊ REN TRONG ĐỒNG	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		37.942 đ	37.942 đ	37.942 đ
157	TÊ REN TRONG	21x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.697 đ	4.697 đ	4.697 đ
158	TÊ REN TRONG	27x1/2	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.952 đ	3.952 đ	3.952 đ
159	TÊ REN TRONG	27x3/4	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.222 đ	4.222 đ	4.222 đ
160	TÊ REN TRONG	34x1	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.131 đ	6.131 đ	6.131 đ
161	TÊ THU	27-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
162	TÊ THU	27-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.056 đ	2.056 đ	2.056 đ
163	TÊ THU	34-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.763 đ	2.763 đ	2.763 đ
164	TÊ THU	34-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.956 đ	2.956 đ	2.956 đ
165	TÊ THU	42-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.599 đ	3.599 đ	3.599 đ
166	TÊ THU	42-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.048 đ	4.048 đ	4.048 đ
167	TÊ THU	42-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		4.820 đ	4.820 đ	4.820 đ
168	TÊ THU	48-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.848 đ	5.848 đ	5.848 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
169	TÊ THU	48-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.977 đ	5.977 đ	5.977 đ
170	TÊ THU	48-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.234 đ	6.234 đ	6.234 đ
171	TÊ THU	48-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.033 đ	8.033 đ	8.033 đ
172	TÊ THU	60-21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.326 đ	7.326 đ	7.326 đ
173	TÊ THU	60-27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.226 đ	8.226 đ	8.226 đ
174	TÊ THU	60-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.997 đ	8.997 đ	8.997 đ
175	TÊ THU	60-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		9.961 đ	9.961 đ	9.961 đ
176	TÊ THU	60-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.411 đ	10.411 đ	10.411 đ
177	TÊ THU	75-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		13.689 đ	13.689 đ	13.689 đ
178	TÊ THU	75-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.652 đ	14.652 đ	14.652 đ
179	TÊ THU	75-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		16.581 đ	16.581 đ	16.581 đ
180	TÊ THU	75-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.508 đ	18.508 đ	18.508 đ
181	TÊ THU	90-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.621 đ	22.621 đ	22.621 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
182	TÊ THU	90-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		18.380 đ	18.380 đ	18.380 đ
183	TÊ THU	90-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		22.364 đ	22.364 đ	22.364 đ
184	TÊ THU	90-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		27.248 đ	27.248 đ	27.248 đ
185	TÊ THU	90-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.534 đ	28.534 đ	28.534 đ
186	TÊ THU	110-34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.212 đ	28.212 đ	28.212 đ
187	TÊ THU	110-42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.534 đ	28.534 đ	28.534 đ
188	TÊ THU	110-48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		29.883 đ	29.883 đ	29.883 đ
189	TÊ THU	110-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		33.096 đ	33.096 đ	33.096 đ
190	TÊ THU	110-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		34.960 đ	34.960 đ	34.960 đ
191	TÊ THU	110-90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		41.901 đ	41.901 đ	41.901 đ
192	TÊ THU	125x75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		50.000 đ	50.000 đ	50.000 đ
193	TÊ THU	125-90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		56.500 đ	56.500 đ	56.500 đ
194	TÊ THU	125-110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		60.820 đ	60.820 đ	60.820 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
196	TÊ	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		1.607 đ	1.607 đ	1.607 đ
197	TÊ	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		2.956 đ	2.956 đ	2.956 đ
198	TÊ	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.728 đ	3.728 đ	3.728 đ
199	TÊ	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.655 đ	3.655 đ	3.655 đ
200	TÊ	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.856 đ	3.856 đ	3.856 đ
201	TÊ	42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		5.270 đ	5.270 đ	5.270 đ
202	TÊ	48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.776 đ	7.776 đ	7.776 đ
203	TÊ	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.339 đ	12.339 đ	12.339 đ
204	TÊ	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		21.079 đ	21.079 đ	21.079 đ
205	TÊ	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.983 đ	28.983 đ	28.983 đ
206	TÊ	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		49.291 đ	49.291 đ	49.291 đ
207	TÊ	125	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		81.423 đ	81.423 đ	81.423 đ



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
208	TỨ CHẠC CONG	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		43.314 đ	43.314 đ	43.314 đ
209	TỨ CHẠC CONG	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		75.061 đ	75.061 đ	75.061 đ
210	VAN CẦU	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	16,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		19.922 đ	19.922 đ	19.922 đ
211	VAN CẦU	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		23.392 đ	23.392 đ	23.392 đ
212	VAN CẦU	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		35.345 đ	35.345 đ	35.345 đ
213	Y THU	90-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.776 đ	25.776 đ	25.776 đ
214	Y THU	90-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		32.184 đ	32.184 đ	32.184 đ
215	Y THU	110-60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		35.136 đ	35.136 đ	35.136 đ
216	Y THU	110-75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		44.496 đ	44.496 đ	44.496 đ
217	Y THU	110-90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		47.232 đ	47.232 đ	47.232 đ
218	Y THU	125x110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		84.143 đ	84.143 đ	84.143 đ
219	Y	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	12,5	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		7.288 đ	7.288 đ	7.288 đ
220	Y	42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.266 đ	6.266 đ	6.266 đ



STT	Nhóm vật liệu *	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
221	Y	48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		11.581 đ	11.581 đ	11.581 đ
222	Y	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		15.739 đ	15.739 đ	15.739 đ
223	Y	75	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		30.044 đ	30.044 đ	30.044 đ
224	Y	90	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.445 đ	36.445 đ	36.445 đ
225	Y	110	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		55.043 đ	55.043 đ	55.043 đ
226	Y	125	Cái	QCVN 16:2019/BXD	6,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		102.997 đ	102.997 đ	102.997 đ
227	ZẮC CO	21	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.266 đ	6.266 đ	6.266 đ
228	ZẮC CO	27	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		8.650 đ	8.650 đ	8.650 đ
229	ZẮC CO	34	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		12.191 đ	12.191 đ	12.191 đ
230	ZẮC CO	42	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		14.986 đ	14.986 đ	14.986 đ
231	ZẮC CO	48	Cái	QCVN 16:2019/BXD	10,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.070 đ	25.070 đ	25.070 đ
232	ZẮC CO	49	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		25.070 đ	25.070 đ	25.070 đ
233	ZẮC CO	60	Cái	QCVN 16:2019/BXD	8,0	TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		36.374 đ	36.374 đ	36.374 đ

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) *		
											Khu vực tỉnh	Khu vực phường...	Khu vực xã...
234	KEO DÁN ỐNG NHỰA	25 Gram	Tuýp	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.259 đ	3.259 đ	3.259 đ
235	KEO DÁN ỐNG NHỰA	30 Gram	Tuýp	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		3.862 đ	3.862 đ	3.862 đ
236	KEO DÁN ỐNG NHỰA	50 Gram	Tuýp	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		6.152 đ	6.152 đ	6.152 đ
237	KEO DÁN ỐNG NHỰA	100 Gram	Tuýp	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		10.198 đ	10.198 đ	10.198 đ
238	KEO DÁN ỐNG NHỰA	200 Gram	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1,0	TẬP ĐOÀN TÀN Á ĐẠI THÀNH	Việt Nam	Không	Đến công trình trên địa bàn tỉnh		28.080 đ	28.080 đ	28.080 đ

2. Công Ty Cổ Phần Dầu Tự Tập Đoàn Tân Á Đại Thành cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị; khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hóa đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

Công Ty Cổ Phần Dầu Tự Tập Đoàn Tân Á Đại Thành xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng, tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết/.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Lưu.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(Handwritten signature)*